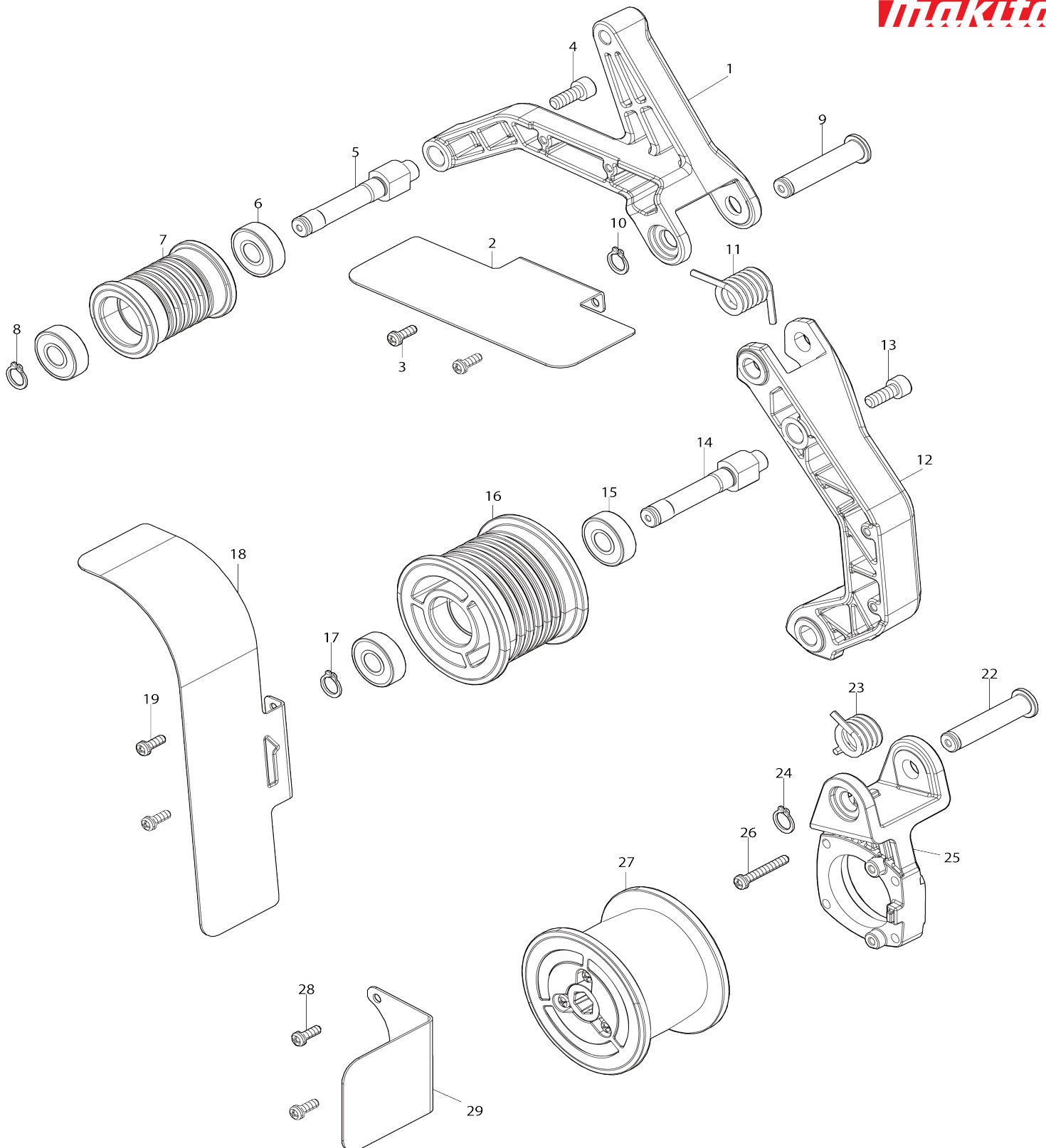
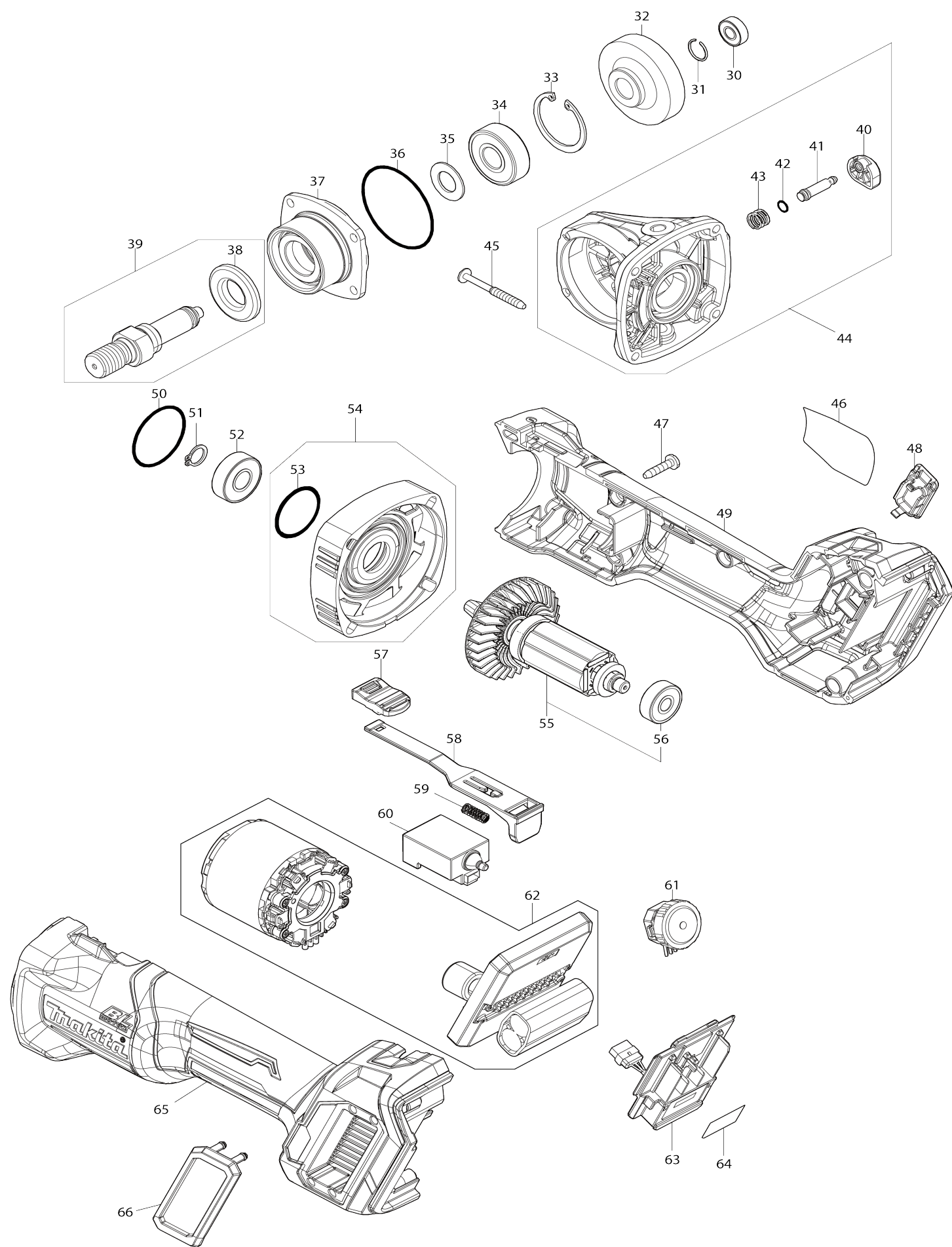




Model No.BS002G Cordless Pipe Belt Sander



Model No.BS002G Cordless Pipe Belt Sander

Bản vẽ	Mã Phụ tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Giá bán (VNĐ)	Giá nhập (VNĐ)	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	312H83-9	Tay đòn B		1					
002	347D55-1	Bảo vệ lưới cửa C		1					
003	911116-5	Vít đầu dù M4X12 W		2					
004	265A36-4	Bu-lông đầu lỗ lục giác M6X16		1					
005	327E84-6	Trục con lăn		1					
006	210332-9	Bạc đạn 6000DDW		2					
007	4132D2-1	Trục xoay dẫn hướng A		1					
008	961006-2	Vòng giữ (ext) S-10		1					
009	256A99-1	Ghim ngang 10		1					
010	961006-2	Vòng giữ (ext) S-10		1					
011	232928-6	Lò xo xoắn 12B		1					
012	1413R8-0	Cánh tay hoàn chỉnh A		1					
C10	422C21-4	Nỉ A		1					
013	265A36-4	Bu-lông đầu lỗ lục giác M6X16		1					
014	327E84-6	Trục con lăn		1					
015	210332-9	Bạc đạn 6000DDW		2					
016	4132D3-9	Trục xoay dẫn hướng B		1					
017	961006-2	Vòng giữ (ext) S-10		1					
018	347D54-3	Bảo vệ lưới cửa B		1					
019	911116-5	Vít đầu dù M4X12 W		2					
022	256A99-1	Ghim ngang 10		1					
023	232927-8	Lò xo xoắn 12A		1					
024	961006-2	Vòng giữ (ext) S-10		1					
025	1413R7-2	Giá đỡ hoàn chỉnh		1					
C10	422C22-2	Nỉ B		1					
026	911151-3	Vít đầu dù M4X28 W		4					
027	122J04-3	Cụm con lăn truyền động		1					
C10	4132R7-9	Nắp giữ ống nước		2					
C20	911128-8	Vít đầu dù M4X16 WR		6					
028	911116-5	Vít đầu dù M4X12 W		2					
029	347D53-5	Bảo vệ lưới cửa A		1					
030	210033-9	Bạc đạn 696ZZ		1					
031	233950-6	Vòng canh búa 11		1					
032	227C68-1	Nhông côn xoắn 48		1					
033	962151-6	Vòng giữ (int) R-32		1					
034	211129-9	Bạc đạn 6201DDW		1					
035	253464-9	Long đèn đệm phẳng 12		1					
036	213622-9	Vòng đệm-o 45		1					
037	312H86-3	Hộp ổ đệm		1					
038	347640-6	Vòng đệm trục		1					
039	136260-9	Bộ trục bulong		1					
039		INC. 38							
040	417771-6	Nắp chốt		1					
041	256546-6	Chốt giữ lưới 4		1					
042	213960-9	Vòng đệm-o 5		1					
043	233072-2	Lò xo nén 8		1					
044	137435-3	GEAR HOUSING ASS'Y		1					
C10	263002-9	Chốt cao su 4		1					

044		INC. 40-43							
045	266048-4	Vít tự cắt ren đầu siết 4X40		4					
046	8154Y4-6	BS002G NAME PLATE		1					
047	266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		5					
048	4132B6-9	Nắp		1					
049	183W44-4	Bộ vỏ ngoài động cơ		1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
049		INC. 65							
050	213A32-6	Vòng đệm-o 32		1					
051	961006-2	Vòng giữ (ext) S-10		1					
052	211097-6	Bạc đạn 6000LLB		1					
053	213445-5	Vòng đệm-o 26		1					
054	136989-7	Bộ vỏ chứa nhôm		1					
054		INC. 53							
055	519945-6	ROTOR ASS'Y		1					
055		INC. 56							
056	210325-6	Bạc đạn 627DDW		1					
057	455447-7	Núm công tắc		1					
058	412233-9	Thanh gạt công tắc		1					
059	233121-5	Lò xo nển 4		1					
060	651445-1	Công tắc FPM-1130		1					
061	620T37-7	Mạch tốc độ		1					
062	629D70-0	Bộ stato		1					
063	632P65-6	Bộ thiết bị đầu cuối		1					
064	8154Y6-2	BS002G SERIAL NO. LABEL		1					
065	183W44-4	Bộ vỏ ngoài động cơ		1					
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2					
065		INC. 49							
066	422610-7	Miếng kẽm lọc bụi		1					
A01	1910X6-8	Bộ tay nắm 35		1					
E01	8098E7-4	INDICATION LABEL		1					